

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 28 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP từ tri thức bản địa của các dân tộc thiểu số phục vụ xây dựng nông thôn mới vùng miền núi Tây Nghệ An

Mã số: 10/HĐ-KHCNNTM-2025

Thuộc:

- Chương trình (*tên, mã số chương trình*): KH&CN xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

- Khác (*ghi cụ thể*):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

2.1. Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu xây dựng, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP từ tri thức bản địa của các dân tộc thiểu số, từ đó góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống cho người dân vùng miền núi Tây Nghệ An nói chung, người dân các dân tộc Hmông, Khơ-mú và Ô-đu nói riêng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Nghiên cứu nhận diện, đánh giá thực trạng tri thức bản địa, khả năng phát triển sản phẩm hàng hóa từ tri thức bản địa của đồng bào các dân tộc Hmông, Khơ-mú, Ô-đu ở miền Tây Nghệ An.

- Nghiên cứu xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm từ tri thức bản địa của đồng bào dân tộc Hmông, Khơ-mú. Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu cho các sản phẩm được lựa chọn. Khai thác và phát triển nhãn hiệu cho các sản phẩm lựa chọn.

- Xây dựng mô hình kết nối, khai thác phát triển chuỗi giá trị sản phẩm tri thức bản địa của đồng bào dân tộc tới thị trường trong và ngoài nước thông qua ứng dụng công nghệ số để hướng tới nông thôn mới thông minh.

- Tăng cường năng lực cho các chủ thể tham gia thông qua đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm mô hình và xây dựng mô hình tại chỗ (Kiến thức và kỹ năng về xây dựng sản phẩm OCOP; Quản lý và phát triển nhãn hiệu; Tiếp cận và ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm).

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS Nguyễn Thị Minh Tỳ

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An

5. Tổng kinh phí thực hiện: 3.288.900 nghìn đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 3.000.000 nghìn đồng

Kinh phí từ nguồn khác: 288.900 nghìn đồng

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: tháng 2 năm 2025

Kết thúc: tháng 12 năm 2025

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có):
Tháng 6 năm 2026

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

| Số TT | Họ và tên | Chức danh khoa học, học vị | Cơ quan công tác |
|-------|--------------------|----------------------------|---|
| 1 | Nguyễn Thị Minh Tú | Chủ nhiệm đề tài, TS | Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An |
| 2 | Lê Thị Hiếu | Thư ký khoa học, TS | Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An |
| 3 | Nguyễn Ngọc Sơn | Thành viên chính, PGS.TS | Trưởng khoa Kế hoạch và Phát triển - Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội |
| 4 | Nguyễn Ngọc Thanh | Thành viên chính, PGS.TS | Trung tâm Thông tin Văn hóa Các dân tộc - Hội Dân tộc học và Nhân học Việt Nam. Nguyên Phó Viện trưởng Viện Dân tộc học |
| 5 | Hồ Thị Thủy | Thành viên chính, Ths | Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An |
| 6 | Nguyễn Huyền Châu | Thành viên chính, CN | Công ty TNHH sáng tạo Văn Hoa |
| 7 | Triệu Thanh Quang | Thành viên, TS | Viện nghiên cứu và phát triển bền vững Vùng - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam |
| 8 | Phan Hồng Hải | Thành viên, Ths | Trung tâm Khoa học Xã hội |

| | | | |
|----|-----------------|-----------------------|--|
| | | | và Nhân văn Nghệ An |
| 9 | Phạm Hồng Long | Thành viên, PGS.TS | Khoa Du lịch - Đại học KHXH&NV |
| 10 | Bùi Quang Tuấn | Thành viên, PGS.TS | Nguyên viện trưởng Viện kinh tế Việt Nam |
| 11 | Phạm Xuân Cẩn | Thành viên, CN | Công ty TNHH Tư vấn FAXUCA |
| 12 | Lưu Thị Mai Anh | Thành viên, Ths | Tạp chí lý luận chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh |
| 13 | Vi Thị Thắm | Thành viên, Ths | Giám đốc Công ty TNHH Trung tâm điều phối du lịch miền Tây Nghệ An |
| 14 | Võ Quang Ty | Thành viên | Công ty TNHH sáng tạo Văn Hoa |
| 15 | Nguyễn Thị Hiền | Thành viên, CN | Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An |
| 16 | Trần Thị Hiền | Thư ký hành chính, CN | Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An |

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

| Số TT | Tên sản phẩm | Số lượng | | | Khối lượng | | | Chất lượng | | |
|-------|--|----------|-----|-----------|------------|-----|-----------|------------|-----|-----------|
| | | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 1 | Tổng quan lý luận và thực tiễn về tri thức bản địa, phát triển sản phẩm hàng hóa từ tri thức bản địa | | x | | | x | | | x | |
| 2 | Khai thác yếu tố đặc trưng trong văn hoá từ tri thức bản địa đồng bào dân tộc Mông, Kơ Mú và Ô Đu vào xây dựng sản phẩm OCOP | | x | | | x | | | x | |
| 3 | Nghiên cứu cơ sở hình thành, thực trạng sử dụng tri thức bản địa vào sản phẩm dân tộc | | x | | | x | | | x | |

| | | | | | | | | | |
|---|--|--|---|--|--|---|--|--|---|
| | Mông, Khơ Mú và Ô Đu | | | | | | | | |
| 4 | Đánh giá và lựa chọn những lĩnh vực tri thức bản địa nổi bật, những sản phẩm ocop và sản phẩm có thể xây dựng thành sản phẩm OCOP và có khả năng thương mại hóa trên thị trường | | x | | | x | | | x |
| 5 | Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm từ tri thức bản địa của dân tộc Mông | | x | | | x | | | x |
| 6 | Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm từ tri thức bản địa của dân tộc Khơ Mú | | x | | | x | | | x |
| 7 | Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm từ tri thức bản địa của dân tộc Ô Đu | | x | | | x | | | x |
| 8 | Xây dựng bộ nhận diện và nhãn hiệu cho các sản phẩm OCOP được hình thành từ tri thức bản địa của các dân tộc để khai thác và phát triển, qua đó xây dựng biểu tượng văn hóa cho sản phẩm | | x | | | x | | | x |
| 9 | Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để xây dựng mô hình phát triển sản phẩm tri thức địa phương ra thị trường và Số hóa điểm tham quan du lịch, cảnh quan thiên nhiên và các nét văn hóa đặc trưng, sản phẩm đặc trưng của đồng bào dân tộc để có hình thức quảng bá phù hợp | | x | | | x | | | x |

| | | | | | | | | | |
|----|---|--|---|--|--|---|--|--|---|
| 10 | Kết nối, tiêu thụ | | x | | | x | | | x |
| 11 | Đa dạng hóa sản phẩm | | x | | | x | | | x |
| 12 | Đánh giá mô hình kết nối và khai thác phát triển chuỗi giá trị sản phẩm hướng tới nông thôn mới thông minh | | x | | | x | | | x |
| 13 | Quan điểm và giải pháp phát triển chuỗi giá trị sản phẩm ocop từ tri thức đối với đồng bào dân tộc Tây Nghệ An phát triển chuỗi giá trị sản phẩm từ tri thức của đồng bào dân tộc | | x | | | x | | | x |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

| Số TT | Tên sản phẩm | Thời gian dự kiến ứng dụng | Cơ quan dự kiến ứng dụng |
|-------|---|----------------------------|---|
| 1 | Phần mềm triển lãm tương tác thông minh: https://platform.starglobal3d.com/smart-tourism-360/muong-long-huu-kiem/ | Tháng 5/2026 | Hợp tác xã nông nghiệp và du lịch cộng đồng Mường Lống; Các homestay; Giới thiệu trên face của các thành viên và cộng đồng |
| 2 | TVC quảng bá 2 sản phẩm: Du lịch Cộng đồng Mường lống và Mây tre đan Hữu Kiệm | Tháng 5/2026 | Hợp tác xã nông nghiệp và du lịch cộng đồng Mường Lống; Các homestay; Đăng tải trên Youtube; Face Du lịch Kỳ Sơn. Trang face của các thành viên và cộng đồng |
| 3 | Thiết kế và sản phẩm mẫu đa dạng hóa sản phẩm thủ công từ tri thức bản địa dân tộc Khơ Mú: 5 sản phẩm | Tháng 5/2026 | HTX mây tre đan bản Đỉnh Sơn 1 |
| 4 | Công trình sách song ngữ: Mây trời Mường Lống và Mây tre Hữu Kiệm | Tháng 5/2026 | UBND xã Mường Lống. HTX nông nghiệp và du lịch cộng đồng |

| | | | |
|---|--------------------------------|--------------|--|
| | | | Mường Lống; Các homestay UBND xã Hữu Kiệm. HTX mây tre đan bản Đỉnh Sơn 1. |
| 5 | 2 tờ rời giới thiệu 2 sản phẩm | Tháng 5/2026 | Các homestay, giới thiệu trên trang face |

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

| Số TT | Tên sản phẩm | Thời gian ứng dụng | Tên cơ quan ứng dụng |
|-------|---|--------------------|---|
| 1 | Phần mềm triển lãm tương tác minh: https://platform.starglobal3d.com/smart-tourism-360/muong-long-huu-kiem/ | Tháng 5/2026 | Hợp tác xã nông nghiệp và du lịch cộng đồng Mường Lống; Các homestay; Giới thiệu trên face của các thành viên và cộng đồng |
| 2 | TVC quảng bá 2 sản phẩm: Du lịch Cộng đồng Mường lống và Mây tre đan Hữu Kiệm | Tháng 5/2026 | Hợp tác xã nông nghiệp và du lịch cộng đồng Mường Lống; Các homestay; Đăng tải trên Youtube; Face Du lịch Kỳ Sơn. Trang face của các thành viên và cộng đồng |
| 3 | Công trình sách song ngữ với tiêu đề: Mây trời Mường Lống và Mây tre Hữu Kiệm | Tháng 5/2026 | HTX mây tre đan bản Đỉnh Sơn 1 |
| 4 | 2 tờ rời giới thiệu 2 sản phẩm | Tháng 5/2026 | UBND xã Mường Lống. HTX nông nghiệp và du lịch cộng đồng Mường Lống; Các homestay UBND xã Hữu Kiệm. HTX mây tre đan bản Đỉnh Sơn 1. |

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Đề tài đã hệ thống hóa và làm rõ lý luận, thực tiễn về tri thức bản địa,

vai trò của tri thức bản địa trong phát triển sản phẩm OCOP và chuỗi giá trị sản phẩm. Khai thác yếu tố đặc trưng trong văn hoá từ tri thức bản địa đồng bào dân tộc Hmông, Khơ-mú và Ơ-đu vào xây dựng sản phẩm OCOP. Nghiên cứu cơ sở hình thành, thực trạng sử dụng tri thức bản địa vào sản phẩm dân tộc Hmông, Khơ-mú và Ơ-đu. Khẳng định tri thức bản địa không chỉ là giá trị văn hóa - xã hội mà còn là nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế nông thôn bền vững, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền Tây Nghệ An.

- Đề tài đã điều tra, nhận diện và đánh giá thực trạng tri thức bản địa của các dân tộc Hmông, Khơ-mú và Ơ-đu, qua đó xác định các lĩnh vực tri thức tiêu biểu có khả năng khai thác xây dựng sản phẩm OCOP. Kết quả đã lựa chọn được hai sản phẩm là mây tre đan của dân tộc Khơ-mú và du lịch cộng đồng của dân tộc Hmông để xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm từ tri thức bản địa, đối với dân tộc Ơ-đu - một dân tộc rất ít người đề tài chỉ nghiên cứu các giá trị tri thức bản địa của dân tộc Ơ-đu trong việc hình thành sản phẩm và khả năng khai thác giá trị tri thức vào sản phẩm trong tương lai, chưa đủ điều kiện xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm.

- Đề tài đã nghiên cứu xây dựng và phân tích chuỗi giá trị sản phẩm OCOP từ tri thức bản địa của dân tộc Hmông và chuỗi giá trị sản phẩm của dân tộc Khơ-mú, làm rõ các khâu của chuỗi, vai trò của từng chủ thể và các điểm nghẽn trong các khâu của chuỗi giá trị

- Xây dựng bộ nhận diện và nhãn hiệu cho sản phẩm của đồng bào dân tộc Hmông và Khơ-mú. Nhãn hiệu tập thể “Du lịch cộng đồng Mường Lống” và nhãn hiệu tập thể “Mây tre đan Hữu Kiệm” cùng với logo và bộ nhận diện của nhãn hiệu.

- Xây dựng mô hình kết nối, khai thác phát triển chuỗi giá trị sản phẩm tri thức bản địa của đồng bào dân tộc Hmông và dân tộc Khơ-mú bao gồm: Ứng dụng phần mềm triển lãm tương tác thông minh 3D/360 số hóa đối với sản phẩm du lịch Mường Lống và sản phẩm thủ công mỹ nghệ của đồng bào Khơ-mú trên công nghệ 3D/360; xây dựng 02 phim quảng cáo (Television Video Commercials – TVC); xây dựng phóng sự truyền hình giới thiệu sản phẩm khai thác từ tri thức bản địa; tổ chức thử nghiệm tour du lịch cộng đồng Mường Lống; nghiên cứu, thiết kế 5 sản phẩm thủ công từ kỹ nghệ và văn hóa, tri thức bản địa dân tộc Khơ-mú. Các hoạt động triển khai của mô hình bước đầu cho thấy hiệu quả trong việc nâng cao giá trị sản phẩm, tăng khả năng tiếp cận thị trường và góp phần thực hiện các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới.

- Đề tài đã đề xuất hệ thống giải pháp phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP từ tri thức bản địa đối với đồng bào dân tộc thiểu số miền Tây Nghệ An,

bảo đảm sự hài hòa giữa bảo tồn tri thức truyền thống, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và xây dựng nông thôn mới. Các giải pháp có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

- Góp phần tăng thu nhập cho các hộ dân, hợp tác xã tăng thu nhập khi đón tiếp khách du lịch

- Góp phần nâng cao nhận thức cho người dân: đã đào tạo, tập huấn cho 250 lượt người về các kỹ năng du lịch, đa dạng hóa sản phẩm, quảng bá sản phẩm, sử dụng nhãn hiệu... góp phần nâng cao năng lực cho cộng đồng. Sau khi được đào tạo, tập huấn hướng dẫn các homestay đã có kỹ năng trong đón tiếp, kỹ năng giới thiệu, quảng bá sản phẩm trên các nền tảng (qua facebook, quay clip ngắn...). Bố trí không gian và bếp của các homestay đã đưa các sản phẩm đặc trưng của đồng bào dân tộc Hmông. Các homestay xây dựng các tờ rơi giới thiệu riêng cho sản phẩm dịch vụ du lịch.

- Nâng cao hoạt động hiệu quả, mô hình liên kết sản xuất, bảo tồn, phát triển làng nghề: Đối với du lịch cộng đồng Mường Lống với mô hình HTX nông nghiệp và du lịch đã có những liên kết cung cấp các dịch vụ phục vụ cho hoạt động du lịch trên địa bàn, bên cạnh đó các thành viên HTX cung cấp các sản phẩm phục vụ du lịch cộng đồng. Đối với xã Hữu Kiệm đã thành lập HTX mây tre đan bản Đinh Sơn 1 để tạo liên kết trong phát triển sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu và hướng tới xây dựng sản phẩm Ocop của địa phương.

- Nghiên cứu, đa dạng hóa sản phẩm tạo nền tảng cho phát triển sản phẩm thủ công địa phương theo hướng sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương thông qua việc phát triển và thiết kế bộ sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường, qua đó giúp người Khơ-mú không chỉ giữ gìn bản sắc văn hóa, mà còn có cơ hội cải thiện thu nhập, nâng cao tay nghề để tăng năng suất và hiệu quả sản xuất.

- Đối với mô hình du lịch cộng đồng Mường Lống người dân, các hộ homestay đã biết chủ động quảng bá sản phẩm, xây dựng các sản phẩm trải nghiệm cho khách du lịch khi đến Mường Lống, tạo doanh thu và có thị trường, khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa bản địa, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và quảng bá hình ảnh địa phương. Đối với mô hình mây tre đan góp phần phục hồi nghề truyền thống, tạo việc làm và nâng cao giá trị sản phẩm thủ công. Và nhận thức người dân có chuyển biến rõ nét, họ tự hào khi giới thiệu về văn hóa, bản sắc của dân tộc mình

3.2. Hiệu quả xã hội

- Kết quả nghiên cứu đề tài cung cấp những tư liệu khoa học, thực tiễn tham mưu cho Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND tỉnh về một số chủ trương, chính sách phù hợp nhằm phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP từ tri thức địa phương của đồng bào dân tộc Tây Nghệ An phục vụ phát triển nông thôn mới bền vững.

- Kết quả nghiên cứu để giúp người dân, chính quyền địa phương, lãnh đạo các cấp thấy rõ được vai trò của tri thức địa phương trong đời sống thực tiễn, từ đó có những nhận thức đúng đắn về tri thức bản địa vận dụng hiệu quả các tri thức vào thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội hiện nay.

- Kết quả nghiên cứu góp phần tổ chức xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP của đồng bào dân tộc vừa khai thác các tri thức văn hóa vừa góp phần xóa đói giảm nghèo và tiếp cận với thị trường cho các sản phẩm do chính đồng bào sản xuất.

- Sản phẩm đề tài là tài liệu để các nhà nghiên cứu ở địa phương có điều kiện trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với các nhà nghiên cứu, nhà khoa học ở trung ương.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu \checkmark vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn

- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng

- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc

- Đạt

- Không đạt

Giải thích lý do: Nhiệm vụ đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu, sản phẩm khoa học và sản phẩm ứng dụng theo yêu cầu của hợp đồng và thuyết minh được phê duyệt. Các sản phẩm nghiên cứu bảo đảm tính khoa học, có giá trị thực tiễn, bám sát mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP từ tri thức bản địa của đồng bào dân tộc thiểu số miền Tây Nghệ An. Nhiệm vụ đã xây dựng được hệ thống báo cáo nghiên cứu chuyên đề, chuỗi giá trị sản phẩm, bộ nhận diện thương hiệu, các sản phẩm truyền thông, dữ liệu số hóa và mô hình ứng dụng công nghệ số trong quảng bá sản phẩm. Một số kết quả có tính mới và khả năng ứng dụng thực tiễn tốt, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị tri thức bản địa gắn với phát triển kinh tế cộng đồng và xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên tại điểm nghiệm thu, đang chờ Quyết định cấp bằng bảo hộ cho 2 nhãn hiệu (do thời gian quy định cấp bằng).

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(*Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký*)



TS Nguyễn Thị Minh Tú

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*)



Nguyễn Thị Minh Tú